

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG QUÝ 2
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu		11.986.563.636	26.848.640.018	12.622.927.272	112.376.916.018
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	(2.320.000.000)
10	3. Doanh thu thuần	15.1	11.986.563.636	26.848.640.018	12.622.927.272	110.056.916.018
11	4. Giá vốn	18	(8.759.467.464)	(7.194.093.467)	(9.377.649.282)	(38.640.042.378)
20	5. Lợi nhuận gộp		3.227.096.172	19.654.546.551	3.245.277.990	71.416.873.640
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	13.066.658.723	1.005.168.096	30.820.571.018	1.597.159.851
22	7. Chi phí tài chính	16	(14.389.447.384)	(6.054.533.333)	(25.095.027.278)	(9.202.533.332)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(14.389.447.384)	(6.054.533.333)	(25.095.027.278)	(9.202.533.332)
24	8. Chi phí bán hàng	18	(362.546.982)	(264.593.372)	(786.756.891)	(535.390.230)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(1.339.434.503)	(5.017.844.974)	(7.523.524.415)	(10.085.318.154)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		202.326.026	9.322.742.968	660.540.424	53.190.791.775
31	11. Thu nhập khác	17	63.459.200	100.873.898	63.459.200	197.151.177
32	12. Chi phí khác	17	(15.536.360)	97.185.000	(16.136.360)	(58.380.527)
40	13. Lợi nhuận khác		47.922.840	198.058.898	47.322.840	138.770.650
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		250.248.866	9.520.801.866	707.863.264	53.329.562.425
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.1	-	929.926.000	-	929.926.000
52	16. Chi phí thuế thu TNDN hoãn lại	19.2	2.875.588.091	(1.961.002.712)	6.903.762.880	(13.046.055.210)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.125.836.957	8.489.725.154	7.611.626.144	41.213.433.215

Bà Ngô Thị Mai Chi
Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 07 năm 2011

Ông Nguyễn Minh Hải
Phó Tổng Giám Đốc